

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 9 - 2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Tuất Mạnh

2. Bà Trần Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2020/TLST- HNGĐ ngày 22/6/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thế Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2020, bản tự khai ngày 22/6/2020 và trong quá trình xét xử thì chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thế Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay xảy ra xích mích cãi vã nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra chị và gia đình hai bên đã tham gia khuyên bảo anh Đ nhiều lần, nhưng anh Đ không

thay đổi tính nết nên mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên anh chị đã tự sống ly thân từ đầu năm 2019 và không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thế Đ.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T xác nhận chị và anh Nguyễn Thế Đ có một con chung cháu Nguyễn Mỹ A, sinh ngày 06/10/2013, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện cháu đang ở cùng chị T. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mỹ A đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh Nguyễn Thế Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị có tạo dựng được một số tài sản chung, khi ly hôn chị thỏa thuận tự chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Thế Đ, trong quá trình giải quyết vụ án vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Đ vẫn không có văn bản trả lời ý kiến và không có mặt theo giấy triệu tập.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh việc có đăng ký kết hôn và có con chung, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn của vợ chồng, chứng cứ chứng minh về công việc và thu nhập cá nhân. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hoà giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vì anh Nguyễn Thế Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc anh Đ vắng mặt để giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật Tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Nguyễn Thế Đ (địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Bị đơn anh Nguyễn Thế Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại

phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thế Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2010 tại ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn của anh chị theo trình bày của chị T đã được chính quyền địa phương xác nhận là đúng sự thực, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Thế Đ. Đối với anh Nguyễn Thế Đ vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản Tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Đ không có mặt và cũng không có văn bản trả lời. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị T anh Đ đã thực sự trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không quan tâm đến nhau từ năm 2019 đến nay, nên việc chị T xin ly hôn anh Đ là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Thế Đ

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một con chung cháu Nguyễn Mỹ A, sinh ngày 06/10/2013, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện cháu đang ở cùng chị T. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mỹ A đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mỹ A, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Mỹ A hiện đang ở cùng chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh công việc chính của chị ở địa phương là buôn bán mức thu nhập bình quân là 5.000.000 đồng/tháng. Anh Nguyễn Thế Đ không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Nguyễn Mỹ A cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T xác nhận vợ chồng chị có tạo dựng được một số tài sản chung, khi ly hôn chị thỏa thuận tự chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Thế Đ

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Mỹ A, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Thế Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Thế Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0002453 ngày 22/6/2020.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT (02);
- UBND xã X;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

- Đương sự (2);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

Phạm Thị Thu Hằng